

BẢN TIN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
Lưu vực sông Lam và vùng phụ cận - Tỉnh Nghệ An
(Tháng 11)**

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa trong tháng 10 (từ 1/10-13h 30/10 (mm))	Lượng mưa lũy tích từ 1/1 đến 13h 30/10/2020 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích cùng thời đoạn (+/- (%))				Lượng mưa dự báo tháng tới (mm)
				TBNN	2015	2018	2019	
1	Vinh	1204,9	2766,1	+54	+140	+81	-3	203,7
2	Đô Lương	1098,3	2065,2	+25	+57	+47	+53	117,2
3	Cửa Rào	293,7	1158,9	-7	+25	-30	+15	9,4
4	Tây Hiếu	370,5	1298,7	-15	+34	-26	+3	6,2
5	Nam Đàn	754,0	1810,0	+12	+69	+17	+8	146,7
6	Quỳ Châu	363,4	1898,2	+18	+80	-3	+43	5,8
7	Quỳnh Lưu	346,7	1186,0	-20	+2	-39	-22	9,1
8	Quỳ Hợp	365,4	1553,8	+1	+33	-18	+32	4,6
9	Mường Xén	205,0	1180,0	+3	+13	-10	+39	9,8
10	Nghĩa Khánh	476,0	1542,0	+9	+59	-2	+29	4,3
Trung bình		547,8	1645,9	+8	+51	+2	+20	51,7

Nhận xét:

- Tổng lượng mưa thực đo trong tháng từ ngày 1/10 đến ngày 30/10 trong vùng dao động từ 205-1205 mm,

- Tổng lượng mưa lũy tích trong vùng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 29/10/2020 từ 1159 – 2766 mm:

+ So với trung bình nhiều năm: lượng mưa đo được tại 7/10 trạm cao hơn từ 1 - 54%, 3/10 trạm thấp hơn từ 7-20%

+ So với cùng kỳ năm 2019: lượng mưa đo được tại 8/10 trạm cao hơn từ 3 - 53%, riêng trạm Vinh thấp hơn 3%, Quỳnh Lưu thấp hơn 22%.

+ So với cùng kỳ năm 2018: lượng mưa đo được tại 7/10 trạm thấp hơn từ 2-39%, 3/10 trạm cao hơn 17-81%.



+ So với cùng kỳ năm 2015: lượng mưa đo được tại các trạm đều cao hơn từ 2-140%

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
1	Cửa Ông	2,1	2,1	67	67	-19	+22	-33	-33	Giảm
2	Khe Gõ	5,4	5,2	28	25	-44	0	-72	-72	Giảm
3	Lách Bưởi	2,1	2,1	29	28	-34	+11	-71	-55	Giảm
4	Khe Làng	3,1	2,9	54	50	-31	0	-46	-46	Giảm
5	Nghi Công	2,6	2,4	71	69	-23	-23	-29	-29	Giảm
6	Khe Xiêm	3,2	3,1	61	59	-23	+22	-39	-39	Giảm
7	Khe Thị	2,7	2,5	55	52	-26	+22	-45	-45	Giảm
8	Bàu Gia	3,8	3,6	34	30	-46	-18	-66	-57	Giảm
9	Xuân Dương	9,3	9,0	57	56	-26	+10	-43	-43	Giảm
10	Kẻ Sắt	3,0	2,9	17	12	-52	-30	-83	-29	Giảm
11	Nhà Trò	4,7	4,4	53	49	-28	+23	-47	-47	Giảm
12	Đồn Húng	4,4	4,0	28	21	-39	-9	-72	-27	Giảm
13	Quản Hải	5,3	4,8	33	26	-49	-28	-67	-67	Giảm
14	Vệ Vùng	18,4	17,2	18	13	-51	-24	-82	-44	Giảm
15	Mả Tổ	6,5	6,1	34	30	-46	-18	-66	-57	Giảm
16	3/2	4,7	4,2	48	43	-35	-18	-52	-41	Giảm
17	Bà Tuy	5,5	5,1	47	43	-22	+19	-53	-15	Giảm
18	Vực Máu	75,0	63,7	88	86	-4	+5	-11	-12	Giảm
19	Bàu Đá	3,9	3,7	75	73	-10	+43	-25	-25	Giảm
20	Cầu Cau	2,9	2,5	100	100	+1	+6	0	0	Tăng
21	Khe Nậy	2,0	1,9	100	100	+25	+99	0	+54	Tăng
22	Cao Cang	1,6	1,6	100	100	+10	+62	0	0	Tăng
23	Khe Là	2,5	1,9	100	100	0	0	0	0	Tăng
24	Khe Đá	16,6	16,6	39	39	-37	-8	-61	-61	Giảm
25	Khe Canh	4,2	4,2	97	97	+1	-3	-3	-3	Giảm
26	Sông Sào	51,4	39,9	95	93	+2	+2	+7	+1	Tăng
27	Khe Thần	4,4	3,1	55	36	-30	-	-45	-45	Giảm
28	Khe Sân	1,5	1,4	69	68	0	-	-	-	Giảm
29	Đình Dù	1,7	1,6	52	48	-29	-3	-48	-33	Giảm
30	Mộ Dạ	2,2	2,1	15	10	-38	-	-85	-29	Giảm
31	Yên Trạch	1,1	1,1	19	19	-37	-	-53	-16	Giảm
32	Đá Bàn	1,2	1,1	17	12	-50	-	-83	-33	Giảm
33	Khe Bung	2,1	2,0	64	62	-15	-3	-26	-27	Giảm
34	Đồi Tương	2,4	2,2	57	53	-30	-32	-32	-38	Giảm
35	Bà Hảo	0,5	0,5	100	100	0	-	0	0	Tăng
36	Xuân Nguyên	1,3	1,2	55	53	-35	-42	-38	-45	Giảm
NGHỆ AN		265,1	233,7	68	63	-18	+2	-29	-24	

b) Nhận xét:

Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa đạt 68% so với dung tích thiết kế, thấp hơn 18% so với TBNN, 24% so với năm 2019, 29% so với năm 2018 và cao hơn 2% so với năm 2015 cùng thời kỳ, Hiện tại có 5 hồ đang đầy nước là: Cầu Cau, Khe Nậy, Cao Cang, Khe Là, Bà Hào. Dự báo xu thế nguồn nước cuối tháng tới của các hồ có 30/36 xu thế giảm, 6/36 có xu thế tăng so với cùng kỳ năm 2019,

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)		Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m ³ /s)
	Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	Năm 2015	Năm 2018	Năm 2019		
Bản Vẽ	1834,6	1383	92,5	90,1	+2,3	+6,4	-5,9	+15,7	-	40,78
T.Bình	1834,6	1383								

Nhận xét:

- Dung tích hồ Bản Vẽ hiện có cao hơn 2,3% so với TBNN, cao hơn 15,7% so với năm 2019, 6,4% so với năm 2015 và thấp hơn 5,9% so với năm 2018 cùng kỳ,

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Đến thời điểm hiện tại 36 hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An có dung tích đạt 68% so với DTTK, thấp hơn so với cùng kỳ các năm gần đây, Theo dự báo, trong tháng tới trong vùng có mưa với lượng mưa dao động từ 4-204mm, trung bình toàn vùng đạt 51,7 mm.

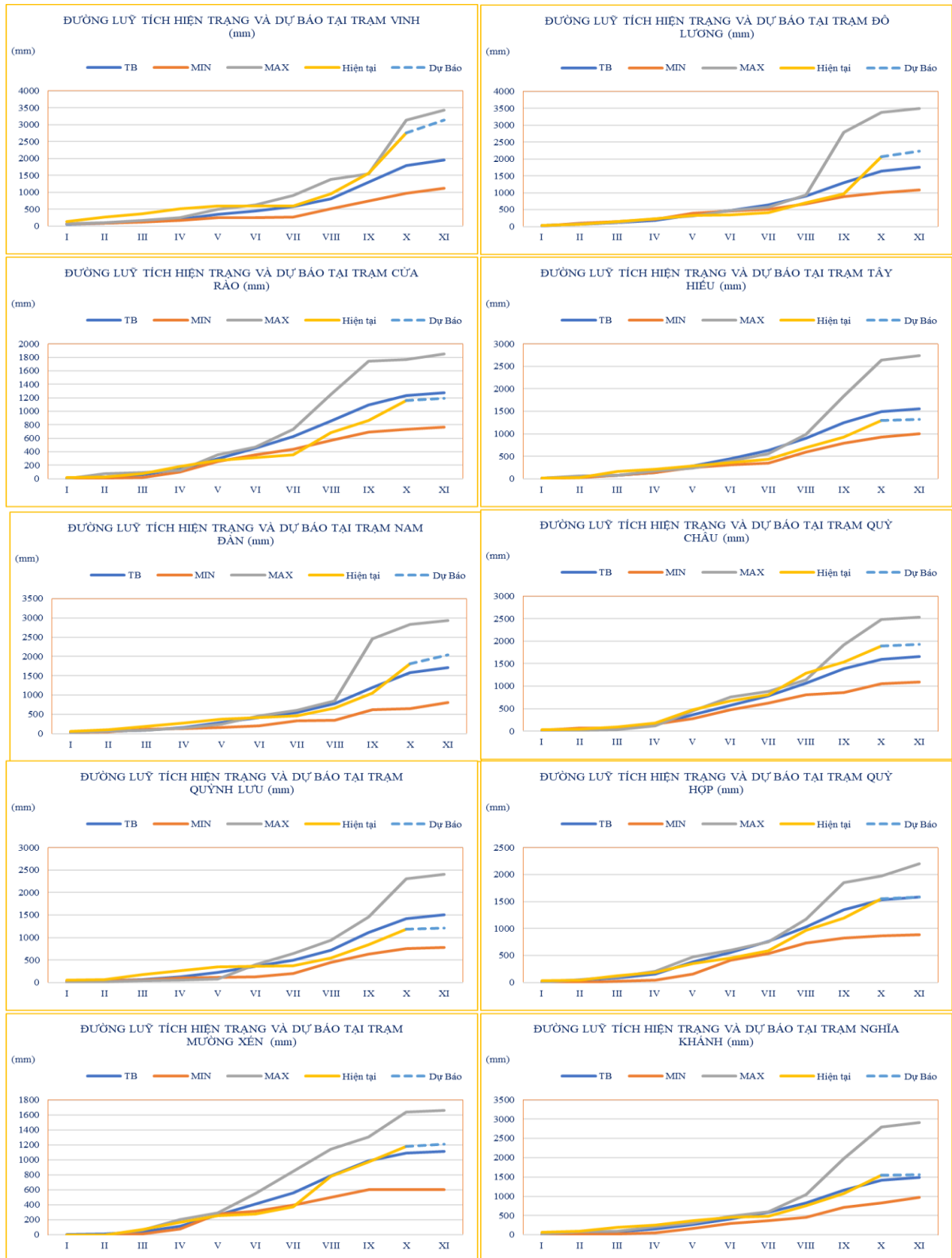
2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa lũy tích từ 01/01 đến 30/11/2020 (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến Cáo
				Min	TBNN	Max	
1	Vinh	Vinh	3137,7	+181	+57	-9	Mưa to
2	Đô Lương	Đô Lương	2227,9	+107	+27	-36	Mưa rất to
3	Cửa Rào	Cửa Rào	1197,3	+57	-7	-35	Có mưa nhỏ
4	Tây Hiếu	Tây Hiếu	1320,5	+32	-17	-52	Có mưa nhỏ
5	Nam Đàn	Nam Đàn	2043,1	+152	+18	-30	Có mưa vừa
6	Quỳ Châu	Quỳ Châu	1930,7	+76	+16	-24	Có mưa nhỏ
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	1205,8	+56	-23	-50	Có mưa nhỏ
8	Quỳ Hợp	Quỳ Hợp	1580,2	+78	+1	-28	Có mưa nhỏ
9	Mường Xén	Mường Xén	1212,6	+100	+4	-27	Có mưa nhỏ
10	Nghĩa Khánh	Nghĩa Khánh	1562,6	+60	+6	-46	Có mưa nhỏ



Nhận xét và khuyến cáo:

- Lượng mưa dự báo tháng từ ngày 1/11 đến ngày 30/11 trong vùng từ 4-204 mm.
- Tổng lượng mưa trong vùng từ ngày 1/1 đến nay và dự báo cho thấy có 7/10 trạm cao hơn từ 1 ÷ 57%, 4/10 trạm thấp hơn từ 7 ÷ 23% so với cùng kỳ TBNN.



Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Lam

Ghi chú:

TBNN: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Min: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

Max: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

TD 2020: Lượng mưa thực đo năm 2020

DB 2020: Lượng mưa dự báo năm 2020

2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Tỉnh	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)				Diện tích chuyên đổi (ha)	Diện tích không canh tác (ha)	Diện tích mất trắng (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây hàng năm	Cây lâu năm				Lúc cao nhất	Hiện tại	(tăng/giảm)
1	Nghệ An										
	Cộng										

III, PHƯƠNG ÁN TÍCH NƯỚC HỒ CHỨA CỬA VAN

TT	Tên công trình	Mức nước hồ hiện tại (m)	Lưu lượng xả hiện tại (m ³ /s)	Mức nước lớn nhất và nhỏ nhất cho phép tại thời điểm tính toán (m)			Dự báo tổng lượng dòng chảy đến tuyến công trình hết tháng (triệu m ³)	Dự báo dung tích đến cuối tháng (%)	Khuyến cáo tích nước
				MNDBT (m)	Mức nước hồ lớn nhất cho phép	Mức nước nhỏ nhất khuyến cáo			
1	Hồ Vực Mầu	20,23	0	21	21	18,58	9,18	100	Xả
2	Hồ Sông Sào	75,39	21	75,7	75,7	71,85	7,12	100	Xả

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trong tháng 10 vừa qua do chịu ảnh hưởng của không khí lạnh tăng cường kết hợp với đới rìa phía Bắc của giải hội tụ nhiệt đới có trục qua Trung Trung Bộ và ảnh hưởng của bão nên trên địa bàn tỉnh Nghệ An có mưa vừa, mưa to có nơi mưa rất to, tổng lượng mưa phổ biến từ 100-400mm/đợt.,

Theo thống kê của địa phương, tình hình thiệt hại do mưa lũ từ ngày 15/10-20/10 như sau:

+ Lúa: diện tích bị thiệt hại hoàn toàn (trên 70%) là 220,82ha

+ Màu: diện tích ngô, rau màu các loại bị thiệt hại là 1085ha (thiệt hại hoàn toàn (trên 70%) là 755,4ha, thiệt hại rất nặng (50-70%) là 234ha, thiệt hại nặng (30-50%) là 95,6ha)

+ Cây hàng năm và lâu năm: 36ha

Tính đến hiện tại ngày 29/10 nguồn nước các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Nghệ An tăng khoảng 68 triệu m³ so với đầu tháng 10, Hiện nay, 2 hồ chứa lớn có cửa van đang



vận hành chế độ xả tràn để đảm bảo an toàn công trình,

Trong thời gian tới tình hình thời tiết còn diễn biến hết sức phức tạp đề nghị các địa phương, cơ quan quản lý vận hành công trình thời tiết để có kế hoạch tích trữ, xả nước cho phù hợp đảm bảo phát điện, cấp nước cho sản xuất năm 2021 đồng thời phải đảm bảo an toàn công trình, giảm ngập lụt cho hạ du.

Bản tin tháng tiếp theo sẽ được phát hành vào cuối tháng 11/2020

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Tổng cục Thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An,
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

